

## PHÂN TÍCH BÀI THƠ VIỆT BẮC

### 1. Phân tích Bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu

Thơ Tố Hữu là những vần thơ thể hiện tiếng nói của dân tộc, của tâm hồn những con người gắn bó sâu sắc với sự nghiệp cách mạng, với quê hương, với đất nước. Trong những vần thơ ấy ta sẽ bắt gặp những tình cảm mến thương sâu sắc, trữ tình, xuất phát từ một trái tim trung thành với dân tộc với nhân dân và tiêu biểu hơn cả là bài thơ Việt Bắc, một trong những bài thơ hay nhất của Tố Hữu.

Tố Hữu (1920-2002), tên khai sinh là Nguyễn Duy Thành, quê ở xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, cái nôi của văn học dân gian. Tố Hữu là nhà thơ lớn, là người tiên phong của nền thơ ca cách mạng Việt Nam, thơ ông luôn gắn bó với những chặng đường cách mạng của dân tộc. Phong cách thơ mang tính trữ tình chính trị vô cùng sâu sắc, hướng đến những cái tôi chung với lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn, cái tôi trong thơ của ông luôn nhân danh Đảng, cộng đồng dân tộc, những vần thơ ấy vừa giàu nhạc điệu lại mang tính dân tộc đậm đà.

Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi, gây chấn động địa cầu đã mở ra cho nước ta một trang sử mới một kỷ nguyên mới. Sau khi kí hiệp định Giơ-ne-vơ (7/1954), miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, Pháp rút quân về nước. Tháng 10/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra chỉ thị toàn bộ các cơ quan trung ương Đảng và Chính phủ từ Việt Bắc dời về thủ đô. Từ đây, những người chiến sĩ cách mạng chia tay với miền rừng núi bạt ngàn để về xuôi, bước sang một trang mới của cách mạng đất nước, Việt Bắc đã ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt như vậy.

Mở đầu bài thơ với giọng thơ trữ tình, êm đềm tha thiết, nhà thơ đã thể hiện tình cảm của người ở lại dành cho người ra đi.

*“- Mình về mình có nhớ ta  
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.  
Mình về về mình có nhớ không  
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?”*

Tác giả sử dụng cặp xưng hô “mình-ta”, ở đây không phải đang nói đến xưng hô giữa những đôi lứa yêu nhau hay cặp vợ chồng nào đó mà là lời đối đáp của những người cách mạng với người dân Việt Bắc. Cách xưng hô ấy vừa mang tính dân tộc đậm đà lại thể hiện được tính trữ tình chính trị sâu sắc trong thơ Tố Hữu, như tiếng nói trong tình yêu đôi lứa, thể hiện sự gắn bó sâu sắc của người đi kẻ ở, đầy ngậm ngùi, lưu luyến. “Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”, sự gắn bó ấy không phải chỉ trong những năm kháng chiến chống Pháp mà xuất phát từ những năm kháng chiến chống Nhật, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (1940). Một khoảng thời gian dài chiến đấu gian khổ, càng làm cho tình cảm giữa những người chiến sĩ cách mạng và người dân Việt Bắc thêm sắt son, mặn nồng, thấm đượm ân tình. Mười lăm năm là quãng thời gian không ngắn cũng chẳng dài nhưng nó đủ khiến cho những cảm xúc biến thành hoài niệm, không thể nào lãng quên, như Chế Lan Viên từng viết “Khi ta ở đất chỉ là nơi đất ở/Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn”. “Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?”, và đặc biệt nỗi nhớ ấy đã lan tỏa khắp núi rừng, phải yêu, phải gắn bó, phải sống một trái tim chân tình biết mấy mới có thể có những cảm xúc thiết tha đến vậy?

*“- Tiếng ai tha thiết bên cồn  
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi  
Áo chàm đưa buổi phân li  
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...”*

Từ phiếm chỉ “ai”, gọi nhiều cảm xúc, ở đây “ai” có thể là người ra đi, cũng có khi là người ở lại. Từ láy “tha thiết” được lấy lại từ từ “thiết tha” đã khắc họa rõ ràng hơn tình cảm của người ra đi và người ở lại, từ “bâng khuâng” và “bồn chồn” chất chứa nhiều tâm tình, ở đó có niềm vui toàn thắng, niềm vui được về lại quê hương, đoàn tụ với gia đình; và ở đó cũng ẩn chứa nhiều nỗi buồn, phải chia tay mảnh đất thấm đẫm nghĩa tình. “Áo chàm đưa buổi phân ly”, hình ảnh chiếc áo có phần cổ điển, truyền thống thể hiện sự quyến luyến, là hình ảnh hoán dụ của con người Việt Bắc, là màu áo nâu giản dị, hiền hòa, thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, linh hồn của người dân và núi rừng Tây Bắc, đang đưa tiễn người chiến sĩ cách mạng. Câu “Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...”, nhịp thơ 3/4 như tạo một khoảng lặng giữa lúc phân li ngậm ngùi, nhìn nhau mà nghẹn lòng, ngập ngừng không muốn nói điều chi, để cảm xúc ấy phiêu lãng, len lỏi trong tâm hồn, thành kỷ niệm khó phai.

*“- Mình đi, có nhớ những ngày  
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù  
Mình về, có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?  
Mình về, rừng núi nhớ ai  
Trái bùi để rụng măng mai để già.”*

Sau mỗi cụm từ “Mình đi”, “Mình về”, nhà thơ đã tinh tế đặt một dấu phẩy, đây chính là giây phút, là khoảnh khắc ngưng đọng, để kỷ niệm ủa về trong tâm tưởng. Những kỷ niệm ấy ngự trị trong từng khoảnh khắc thời gian “những ngày”, không gian “chiến khu”. Những hình ảnh “mưa nguồn suối lũ”, “những mây cùng mù”, “miếng cơm chấm muối”, là hình ảnh ẩn dụ cho những khó khăn gian khổ của người làm cách mạng những năm đầu kháng chiến nơi núi rừng Việt Bắc, và chính những khó khăn ấy đã khiến cho nghĩa tình quân dân trở nên thấm thiết, keo sơn. Biện pháp nhân hóa “rừng núi nhớ ai” như thổi vào khung cảnh núi rừng nỗi nhớ nhung dạt dào, sâu thẳm, từ phiếm chỉ “ai” thấm đẫm bao cảm xúc ân tình. Những cụm từ “trái bùi để rụng”, “măng mai để già” đã thể hiện nỗi buồn sâu thẳm, vắng lặng khi người cách mạng về xuôi để lại núi rừng Tây Bắc chênh vênh, lạ lẫm khi nhịp sống đột ngột thay đổi từ đông vui về vắng vẻ đìu hiu.

*“Mình đi, có nhớ những nhà  
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son  
Mình về còn nhớ núi non  
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh  
Mình đi mình có nhớ mình  
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa?”*

Nỗi nhớ ấy càng được thể hiện rõ ràng hơn với từ “những nhà”, nghệ thuật đối lập trong câu thơ “Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son”, khẳng định một chân lý rằng càng khó khăn gian khổ, thì tình nghĩa quân dân lại càng thêm đoàn kết gắn bó, sắt son một lòng. Những người ở lại nhắc về kỷ niệm xưa cũ từ những ngày đầu mới quen, từ những năm còn kháng chiến chống Nhật để kỷ niệm càng thêm khắc sâu vào tâm hồn người đi. Từ “mình” được lặp lại trong câu thơ “Mình đi mình có nhớ mình” đã gọi nhắc đến câu ca dao “Ta với mình tuy hai mà một” càng khẳng định sự gắn bó thiết tha. Những địa danh vô cùng quen thuộc với người ra đi và cả người ở lại “Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa?”, gọi nhắc lại những kỷ niệm xưa cũ, hào hùng, sâu sắc tình cảm sâu sắc của những người chiến sĩ cách mạng với người dân Tây Bắc.

*“- Ta với mình, mình với ta  
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh  
Mình đi, mình lại nhớ mình  
Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...  
Nhớ gì như nhớ người yêu  
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương*

*Nhớ từng bữa khói cùng sương  
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.  
Nhớ từng rừng nứa bờ tre  
Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy”*

Lời đối đáp “mình-ta” tiếp tục được sử dụng, kết cấu “Ta với mình, mình với ta” tạo nên lời đồng vọng tha thiết. Đến đây, ta cũng là mình, mình cũng như ta. Câu thơ “Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh” đã thể hiện tình cảm thủy chung son sắt mà người cách mạng dành cho mảnh đất Việt Bắc nghĩa tình, như một lời thề trong tình yêu đôi lứa. Biện pháp so sánh trong câu “Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...”, đã thể hiện một điều vô cùng thiêng liêng và sâu sắc: Nghĩa tình của con người Việt Bắc thật trong trẻo, đong đầy không có bao giờ có thể vơi cạn như tình yêu thương của lòng mẹ hiền với con cái của mình. Nhà thơ đã so sánh nỗi nhớ ở đây giống như nỗi nhớ người yêu, để trừu tượng hóa tình cảm cách mạng, tình quân dân để tất cả trở nên tha thiết hơn, dịu ngọt hơn. Và cũng bởi lẽ nỗi nhớ trong tình yêu là nỗi nhớ thắm sâu và tha thiết nhất, từ nỗi nhớ ấy, Việt Bắc hiện ra với một không gian thật thơ mộng, câu thơ “Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương” đã thể hiện nỗi nhớ lan tỏa trong không gian và ngự trị trong từng khoảnh khắc của thời gian, cả đêm lẫn ngày. Hình ảnh “Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.” gợi về một miền Việt Bắc mến thương, nồng nàn, ấm áp. Điệp ngữ “nhớ từng” cho chúng ta những cảm nhận như nhà thơ đang lật giở từng trang ký ức, Tố Hữu đã liệt kê những địa danh “sông Đáy, suối Lê” và đến hai tiếng vơi đầy khép lại đoạn thơ thì đây không chỉ còn đơn thuần là địa danh mà là nơi đong đầy kỷ niệm: Bao nhiêu nước, bao kỷ niệm đầy vơi, bao nghĩa tình ấm áp ngọt ngào.

*“Ta đi, ta nhớ những ngày  
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...  
Thương nhau, chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng  
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng  
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô  
Nhớ sao lớp học i tờ  
Đông khuya đuốc sáng những giờ liên hoan  
Nhớ sao ngày tháng cơ quan  
Giàn nan đời vẫn ca vang núi đèo.  
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều  
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...”*

Cụm từ “Ta đi ta nhớ...” là lời tâm sự chân thành và là lời nhắn nhủ tha thiết của người đi dành cho những người ở lại, của người cách mạng dành cho mảnh đất Việt Bắc anh hùng, cụm từ “Mình đây ta đó...” kết hợp với “đắng cay ngọt bùi” càng nhấn mạnh hơn những ân tình sâu thắm. Hai tiếng “thương nhau”, thật nhẹ nhàng nhưng cũng thật sâu lắng, người đi kể ở “Thương nhau chia củ sắn lùi”, “Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng” đã thể hiện những tình cảm đùm bọc, chia sẻ, gắn bó khăng khít đậm đà nghĩa tình quân dân, chính sức mạnh đoàn kết ấy đã tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng. Nhà thơ đã khắc họa hình ảnh người mẹ “Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô”, đây là một hình ảnh đẹp, gợi nhiều cảm xúc, từ “cháy” rất giàu hình tượng nhấn mạnh nỗi vất vả gian lao của người mẹ trong kháng chiến. Tác giả sử dụng điệp ngữ “Nhớ sao” là nỗi nhớ đầy cảm xúc cùng với đó là những hoạt động ở chiến khu Việt Bắc: Lớp học i tờ, những giờ liên hoan, ca vang núi đèo, đã tạo nên một không khí vui tươi thắm đẫm tình đoàn kết quân dân, thể hiện tinh thần lạc quan cách mạng, niềm tin cách mạng nhất định thắng lợi: Dù bom đạn, chiến tranh, đau thương, gian khổ, quân và dân vẫn gắn bó với nhau trong khúc nhạc hân hoan, rộn ràng. Đoạn thơ rất giàu nhạc điệu là khúc ca ca ngợi cuộc sống vẫn đẹp, nghĩa tình

vẫn sâu chan chứa trong lòng người cách mạng và núi rừng Việt Bắc thân thơ. Câu thơ cuối khép lại với tiếng mõ, tiếng chày, tiếng suối xa gọi nhiều cảm xúc mênh mang, lan tỏa.

*“Ta về, mình có nhớ ta  
Ta về ta nhớ những hoa cùng người  
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình  
Rừng thu trăng rọi hoà bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.”*

Bức tranh tứ bình hiện lên thật đẹp đẽ, câu hỏi tu từ “Ta về mình có nhớ ta”, chất chứa bao nỗi niềm, là cái cớ để người ra đi bộc lộ bao nỗi nhớ nhung, bao yêu thương. Cụm từ “những hoa cùng người” có kết cấu như một thành ngữ, trong nỗi nhớ của người ra đi, hoa là biểu tượng cho thiên nhiên, một bức tranh thiên nhiên đẹp và thơ mộng. Mở đầu bức tranh là mùa đông Việt Bắc, là mùa đông với “hoa chuối đỏ tươi” điểm xuyết trên nền xanh bạt ngàn của núi rừng, tạo nên một bức tranh vô cùng sinh động và nhiều màu sắc, tạo cảm giác ấm áp xua đi cái lạnh cắt da cắt thịt ở mảnh đất Việt Bắc.

Con người hiện ra trong tư thế lao động, rất đẹp rất kỳ vĩ, con người như chiếm lĩnh đỉnh cao, hình ảnh được tạo nên bằng nghệ thuật hội tụ ánh sáng của nhiếp ảnh. Mùa xuân hiện ra với cảnh “mơ nở trắng rừng”, vô cùng thơ mộng, tạo nên một bức tranh đẹp, ấm áp, lung linh, hình ảnh con người cũng trong tư thế lao động “chuốt từng sợi giang”, động từ “chuốt”, thể hiện một công việc cần cù, kiên nhẫn, tỉ mỉ, khắc họa vẻ đẹp của con người Việt Nam trong kháng chiến. Tiếp đến là mùa hạ thật sinh động và tràn đầy sức sống, cảnh thiên nhiên có thêm tiếng ve rộn rã ngân vang núi rừng và tràn đầy sắc vàng của rừng phách. Hình ảnh “cô em gái hái măng một mình” thật đẹp và thơ mộng biết bao. Khép lại bức tranh tứ bình là cảnh mùa thu, mùa thu hòa bình, mùa thu của cách mạng tháng tám thành công, mùa thu năm 1954, tất cả đã được tượng trưng trong một vầng trăng rất đẹp. Câu thơ “Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung” vừa khép lại bức tranh tứ bình về cảnh và người Việt Bắc, đồng thời cũng khép lại khúc tình ca hào hùng về cuộc kháng chiến.

Trong nỗi nhớ của người ra đi và người ở lại đều không thể không nhắc đến những ngày đầu của cuộc kháng chiến, đó là khi “Giặc đến giặc lùng”, từ “lùng” đã thể hiện sự nguy hiểm của quân thù. “Rừng cây núi đá ta cùng đánh tây” cùng với “Đất trời ta cả chiến khu một lòng” đã thể hiện sự gắn bó sâu sắc của thiên nhiên và con người trong cuộc kháng chiến. Ở đây, thiên nhiên đã trở thành một sinh thể có linh hồn, chở che cho bộ đội, bủa vây quân thù, hình ảnh “Núi giăng thành lũy sắt dày” kết hợp với kết cấu trùng điệp “Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”, giàu sức gọi, góp phần thể hiện cho sức mạnh của dân tộc, sức mạnh không thể bị hủy diệt. Điệp từ “nhớ” kết hợp với những cụm từ “nhớ từ”, “nhớ sang”, những địa danh gắn liền với những chiến công, tất cả cho ta cảm nhận về nỗi nhớ trải dài khắp chiến khu Việt Bắc. Lời thơ mạnh mẽ, hình ảnh thơ sinh động cùng việc sử dụng những biện pháp nghệ thuật tu từ đã giúp nhà thơ khẳng định sức mạnh vĩ đại của dân tộc, đồng cũng bộc lộ nỗi nhớ và niềm tri ân sâu sắc đối với núi rừng Việt Bắc thấm đẫm tình thương.

*“Những đường Việt Bắc của ta  
Đêm đêm rầm rập như là đất rung  
Quân đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan  
Dân công đỏ đuốc từng đoàn  
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.*

*Nghìn đêm thăm thăm sương dày  
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.  
Tin vui chiến thắng trăm miền  
Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về  
Vui từ Đồng Tháp, An Khê  
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.”*

Câu thơ “Những đường Việt Bắc của ta” đã thể hiện sự gắn bó sâu sắc của mảnh đất Việt Bắc, của chiến khu Việt Bắc với nhân dân với đất nước bởi đây là quê hương cách mạng là trái tim của cả nước trong những tháng ngày kháng chiến chống Pháp. Biện pháp nghệ thuật tu từ so sánh “như là đất rung” kết hợp với hình ảnh “quân đi điệp điệp trùng trùng” đã thể hiện sức mạnh vĩ đại của đoàn quân ra tiền tuyến, đoàn quân dài như vô tận rất kỳ vĩ và hào hùng.

Câu thơ “Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan” đã kết hợp ba biện pháp nghệ thuật tu từ ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, hình ảnh “ánh sao đầu súng” gợi nhắc đến hình ảnh “đầu súng trăng treo” trong thơ của Chính Hữu và “súng người trời” trong thơ Quang Dũng thể hiện tầm cao của người lính, đây là một hình ảnh đẹp và rất giàu chất thơ. Hình ảnh đoàn dân công vô cùng mạnh mẽ, đông đúc “đổ đước từng đoàn”, “bước chân nát đá”, gợi nhắc đến thành ngữ “Chân cứng đá mềm” khẳng định sức mạnh và sự vững chãi, bền bỉ của con người Việt Nam trước bão tố chiến tranh. Trong đêm tối của chiến tranh, quân và dân ta luôn hướng về ngày mai, luôn nuôi dưỡng niềm tin mãnh liệt về một ngày mai chiến thắng. Và cuối cùng tin vui đã về trên khắp đất nước, những người chiến sĩ về Hà Nội, về miền xuôi, nhưng vẫn đọng lại trong trái tim họ biết bao kỷ niệm, biết bao yêu thương, họ mang theo niềm vui toàn thắng trong những ngày cuộc kháng chiến khép lại.

*“Ai về ai có nhớ không?  
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang.  
Nắng trưa rực rỡ sao vàng  
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công  
Điều quân chiến dịch thu đông  
Nông thôn phát động, giao thông mở đường  
Giữ đê, phòng hạn, thu lương  
Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu...”*

*Ở đâu u ám quân thù  
Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi  
Ở đâu đau đớn giống nòi  
Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.  
Mười lăm năm ấy ai quên  
Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hoà  
Mình về mình lại nhớ ta  
Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào.”*

Những câu thơ cuối cùng khép lại đoạn trích là quang cảnh Việt Bắc sau chiến thắng Điện Biên Phủ, khắp nơi hân hoan trong những màu sắc rực rỡ vui tươi của nắng vàng, của cờ đỏ. Trung ương Đảng và Chính phủ thu xếp trở về thủ đô, trong không khí nhộn nhịp, miền Bắc ngày một đổi mới với chính sách mới của Đảng và nhà nước “Giữ đê, phòng hạn, thu lương/Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu...”. Đồng thời đoạn thơ cũng là lời ngợi ca những công lao vĩ đại của Bác Hồ kính yêu, là lời tri ân sâu sắc với miền núi rừng Việt Bắc thân thương, dù mai này đã về thủ đô nhưng trong tim những người chiến sĩ cách mạng luôn giữ một góc trong tim dành cho Việt Bắc, dành cho “Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào”.

Cả đoạn trích như một bản nhạc nhịp nhàng, tha thiết được hòa tấu bởi là khúc tình ca và khúc trường ca về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, về những con người kháng chiến anh hùng. Thông qua khúc nhạc đẹp đẽ, hào hùng ấy nhà thơ đã bộc lộ được những tình cảm tha thiết, sâu đậm của mình dành cho vùng núi rừng Việt Bắc, ngợi ca tình đồng chí, nghĩa tình đồng bào. Qua đó, tác giả cũng nhắn nhủ đến người đọc đừng quên những trang sử hào hùng của dân tộc, những trang sử thấm đẫm máu và nước mắt, cũng là những những trang sử thấm đượm tình cách mạng, lòng yêu nước sâu sắc.

www.eLib.vn

## 2. Cảm nhận về bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu

Trong nền văn học Việt Nam, Tố Hữu được biết đến với tiếng thơ mang đậm tính trữ tình - chính trị. Những vấn đề mang tính lịch sử khi đi vào thơ ông đều mang âm hưởng của sự ngọt ngào, tha thiết. Điều này đã được thể hiện rõ qua tác phẩm "Việt Bắc" - một bài ca về tình quân dân gắn bó thủy chung, son sắt.

Bài thơ đã tái hiện thành công tình cảm gắn bó sâu nặng và nghĩa tình đầy thủy chung của người cán bộ cách mạng và đồng bào Việt Bắc. Trước hết, tình cảm đó được thể hiện rõ thông qua kết cấu của tác phẩm. Bài thơ là lời đối đáp của nhân dân Việt Bắc và người cán bộ cách mạng trong hoàn cảnh những người kháng chiến từ chiến khu Việt Bắc trở về xuôi. Cuộc chia tay lịch sử đó đã được tái hiện thông qua những cung bậc tình cảm đầy da diết về biết bao kỉ niệm đẹp cùng hoài niệm tha thiết về năm tháng đã qua. Tác giả Tố Hữu đã khéo léo vận dụng lối đối đáp gần gũi, quen thuộc với những khúc hát ca dao, dân ca thông qua đại từ "mình" - "ta", tạo nên những vần thơ chan chứa yêu thương và sâu nặng nghĩa tình nhân dân, nghĩa tình cách mạng.

Khúc hát đầy ân tình thủy chung được tái hiện ngay từ những phút giây đầu tiên qua lời của người ở lại:

*"Mình về mình có nhớ ta  
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng  
Mình về mình có nhớ không  
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?"*

Tác giả đã sử dụng thành công lời ước hỏi với âm hưởng ngọt ngào, tha thiết để gợi nhắc về "Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng". Đó là quãng thời gian người chiến sĩ cách mạng cùng nhân dân Việt Bắc gắn bó ân tình. Các đại từ "mình" - "ta" vốn gắn liền với tình yêu đôi lứa trong thơ ca dân gian kết hợp với điệp từ "nhớ" được điệp lại bốn lần đã thể hiện thành công tình cảm, nỗi lòng của "kẻ ở".

Đáp lại tiếng lòng của nhân dân Việt Bắc, "người đi" - những chiến sĩ cách mạng không tránh khỏi sự "bâng khuâng", "bồn chồn":

*"- Tiếng ai tha thiết bên cồn  
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi  
Áo chàm đưa buổi phân ly  
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay..."*

Sự lưu luyến của "người đi" đối với cảnh và tình Việt Bắc đã được thể hiện qua những cử chỉ cụ thể, đặc biệt là hành động "Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay" diễn tả sự nghẹn ngào trong cảm xúc và không thể diễn đạt thành lời. Nói tiếp mạch cảm xúc đó là những kỉ niệm ám áp thời kháng chiến gian khổ. Khoảng không gian thuộc về hoài niệm và tâm tưởng đó được mở đầu bằng hình ảnh thiên nhiên, cuộc sống gắn với tình người Việt Bắc: "Mưa nguồn", "suối lũ", "những mây cùng mù", "Miếng cơm chấm muối mồi thù nặng vai" cùng những năm tháng lịch sử của cuộc kháng chiến chống Nhật: "cây đa Tân Trào", "mái đình Hồng Thái". Nổi bật hơn cả là nỗi nhớ về con người đầy da diết và mãnh liệt:

*"Nhớ gì như nhớ người yêu  
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương  
Nhớ từng bản khói cùng sương  
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.  
Nhớ từng rừng nứa bờ tre  
Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy  
Ta đi, ta nhớ những ngày  
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi."*

Những địa danh, tên gọi cụ thể đã gọi tả thành công nét đẹp rất riêng "Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương". Tác giả đã sử dụng điệp từ "nhớ từng" kết hợp biện pháp liệt kê để diễn tả từng khoảnh khắc thời gian và không gian núi rừng Việt Bắc qua những hình ảnh: "bản khói cùng sương", "rừng nửa bờ tre", "ngòi Thia sông Đáy", "suối Lê" khiến cho nỗi nhớ càng thêm ngân vang với âm hưởng da diết. Đặc biệt, nhớ về Việt Bắc là nhớ về tấm lòng đồng cam cộng khổ cùng những sẻ chia, thấu hiểu thời kháng chiến gian nan: "Thương nhau, chia củ sắn lùi/ Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng". Nghĩa tình gắn bó đó chính là một trong những biểu hiện làm nên vẻ đẹp của tinh thần yêu nước - mạch ngầm xuyên suốt chiều dài lịch sử dân tộc.

Vẻ đẹp nghĩa tình cùng sự gắn bó trong tình cảm của "người đi" - "kẻ ở" đã được tái hiện thành công thông qua các biện pháp nghệ thuật giàu tính dân tộc mang đặc trưng của thơ Tố Hữu - một tiếng thơ có sự hòa quyện giữa tính trữ tình và chính trị. Tác giả đã khéo léo vận dụng thành công thể thơ lục bát truyền thống kết hợp lối kết cấu giao duyên quen thuộc trong ca dao, dân ca. Bên cạnh đó, các biện pháp nghệ thuật như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ cùng lối nói giàu hình ảnh đã được sử dụng nhuần nhuyễn để tạo nên một giọng thơ tâm tình, ngọt ngào của bài ca về tình cảm son sắt thủy chung mang đậm nghĩa tình cách mạng.

Như vậy, qua bài thơ "Việt Bắc", chúng ta có thể thấy được tình cảm gắn bó đầy nghĩa tình thủy chung giữa quân và dân ta trong những năm tháng kháng chiến gian khổ cũng như tài năng của nhà thơ Tố Hữu trong việc diễn đạt một câu chuyện mang tính chính trị trở nên da diết, trữ tình và thiết tha.



### 3. Bình giảng bài thơ Việt Bắc của nhà văn Tố Hữu

Bằng những vần thơ lục bát ngọt ngào mang đậm màu sắc ca dao dân ca, thông qua cuộc đối đáp có tính chất tương tượng giữa kẻ ở người đi như thể người yêu đưa tiễn người yêu đầy lưu luyến vấn vương; bằng lối xưng hô Mình – Ta, một lối xưng hô truyền thống đậm đà tình nghĩa, bài thơ Việt Bắc đã tái hiện một cách chân thực và sinh động cuộc kháng chiến anh hùng và nhân dân anh hùng của cuộc kháng chiến, cùng những tình cảm điển hình của con người kháng chiến.

Bài thơ ra đời vào tháng 10/1954, sau chiến thắng Điện Biên, khi Trung ương Đảng và Chính phủ, Bác Hồ rời "Thủ đô gió ngàn" về với "Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình". Bài thơ vừa là khúc hát ân tình thủy chung của miền ngược và miền xuôi, vừa là bài ca chiến thắng của một thời kỳ lịch sử oanh liệt. Đoạn thơ ta phân tích nằm ở phần đầu, tái hiện một giai đoạn gian khổ, vẻ vang của cách mạng và kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc nay đã trở thành những kỷ niệm sâu nặng trong lòng người.

Bài thơ mở ra trong một khung cảnh chia tay với tâm trạng băng khuâng bồn chồn lưu luyến vấn vương của hai người đã từng gắn bó bền lâu sâu nặng. Người ở lại lên tiếng trước, như nhạy cảm với hoàn cảnh đổi thay gợi nhắc những kỷ niệm gắn bó, những cội nguồn tình nghĩa.

*Mình về mình có nhớ ta  
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn*

Nhưng người ra đi cũng cùng chung một tâm trạng ấy, nên nỗi nhớ không chỉ là hướng về người khác mà cũng là nỗi nhớ chính mình: "Mình đi mình lại nhớ mình". Lời hỏi của người ở lại đã làm khơi dậy cả một quá khứ đầy kỷ niệm, khơi nguồn cho mạch nhớ thương tuôn chảy. Đối đáp ở đây là một thủ pháp khơi gợi, bộc lộ tâm trạng và tạo ra sự hô ứng đồng vọng của tình cảm. Bao trùm trong tâm trạng của kẻ ở người về là nỗi nhớ cứ thấm đượm lên tất cả, lan tỏa lên cả cỏ cây mây nước. Chỉ riêng trong đoạn thơ ta phân tích đã có đến 35 từ "nhớ". Nỗi nhớ tha thiết ấy, qua dòng hồi tưởng đã làm sống dậy những kỷ niệm sâu nặng nghĩa tình. Và trong niềm hoài niệm, hồi tưởng suốt "mười lăm năm thiết tha mặn nồng" ấy, bao trùm có mấy bức tranh hiện thực hòa nhập thống nhất khó có thể tách rời. Đó là nỗi nhớ cội nguồn tình nghĩa; nỗi nhớ thiên nhiên Việt Bắc; con người, cuộc sống Việt Bắc, cùng những kỷ niệm về cuộc kháng chiến anh hùng.

Trước hết bài thơ mở đầu bằng tiếng hát ân tình chung thủy, gợi nhắc cội nguồn tình nghĩa, thấm nhuần đạo lý Việt Nam:

*Mình về mình có nhớ ta  
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng  
Mình về mình có nhớ không  
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ người*

Lời thơ nghe như ca dao, lại phẳng phát âm hưởng thơ Kiều. Sâu nặng biết bao trong "Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng" và cùng ân tình, thủy chung biết bao khi "nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn". Bốn câu thơ mà có đến bốn chữ "mình", bốn chữ "nhớ" một chữ "ta" hòa quyện quấn quýt với nhau như hình với bóng, khiến cho cái đạo lý ân tình thủy chung ấy thêm sâu nặng.

Sau khúc hát dạo đầu, là cảnh tiễn đưa băng khuâng trong nỗi nhớ cả người ở lại và người ra đi như là một khúc hát giao duyên quan họ. Ở đây có âm thanh da diết thiết tha của ai đó "Tiếng ai tha thiết bên cồn"; có bước chân "bồn chồn" và những bàn tay nắm nhau lưu luyến. Tiêu đối "băng khuâng... bồn chồn" đã làm tăng thêm biết bao nỗi nhớ thương vấn vương lưu luyến. Cái màu "áo chàm" trong câu thơ trên vừa gợi hình, vừa gợi cảm: màu áo của người Việt Bắc không phai, đậm đà bền vững như lòng thủy chung sắt son của họ. "Cầm tay... hôm nay" không phải là không biết nói gì, mà vì trong lòng tràn ngập tình nhớ thương khó nói nên lời.

Sau khi "dàn cảnh" khung cảnh chia tay, Tố Hữu để cho người ở lại lên tiếng. Chỉ có 12 câu nhưng đều xoáy vào những kỷ niệm của những ngày cách mạng còn "trúng nước" rất gian nan nhưng sâu nặng nghĩa tình: "Miếng cơm chan muối, mối thù nặng vai – Hắt hieu lau xám đậm đà lòng son. "Miếng cơm chấm muối" là hình ảnh chân thực được rút ra từ thực tế cuộc kháng chiến đầy khó khăn, gian khổ. Hình ảnh "mối thù nặng vai" đã cụ thể hóa, vật chất hóa mối thù của nhân dân ta với quân xâm lược. Hai hình ảnh ấy đối xứng và kết hợp với nhau tạo nên một ý nghĩa mới: mối tình đoàn kết chiến đấu cùng gian khổ để chiến thắng quân thù. Người ra đi có nhớ không? Và còn biết bao điều đáng nhớ nữa về chiến khu Việt Bắc với những địa danh cách mạng lịch sử, với biết bao gian nan cơ cực mà thấm thiết nghĩa tình "Hắt hieu lau xám" nhưng "đậm đà lòng son" rồi những mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù" – chỉ một câu thơ ngắn gọn nhưng lại sống dậy được tất cả cái khắc nghiệt, dữ dội của thiên nhiên Việt Bắc những ngày kháng chiến. Trong một đoạn thơ ngắn mà đã có đến 8 chữ "mình" và 7 chữ "nhớ", trong đó có câu thơ 3 chữ "mình" luyến láy và chuyển nghĩa rất tài tình khi nhắc đến những địa danh cách mạng từ nay đã đi vào lịch sử nối tiếp Chương Dương, Vạn Kiếp, Đống Đa...

*Mình đi, mình có nhớ mình*

*Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa*

Tố Hữu đã để cho người về xuôi trả lời nhiều hơn, vì trong họ chứa chất biết bao nỗi nhớ về quê hương cách mạng, khi phải rời xa. Đây là nỗi nhớ của những người đã từng cùng cam, cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, từng "đình ninh lời thề" sau trước có nhau, nên câu trả lời của họ chính là tiếng đồng vọng của cõi lòng người ở lại:

*Ta với mình, mình với ta*

*Lòng ta sau trước mặn mà đình ninh*

*Mình đi, mình lại nhớ mình*

*Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu*

Những chữ "ta", "mình" quán quýt, luyến láy trong câu thơ đã nói rõ lời đồng vọng đó.

Người ở lại hỏi: "Mình đi, mình có nhớ mình" thì người ra đi có ngay lời đồng vọng "mình đi, mình lại nhớ mình", tuy hai mà một. Thật hài hòa, gắn bó, thấm thiết. Bởi nghĩa tình của họ như suối nguồn không bao giờ cạn: "Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu". "Bao nhiêu, bấy nhiêu" – Cặp từ hô ứng đã nhấn mạnh được sự giàu có, phong phú của nghĩa tình keo sơn không sao kể xiết.

Qua hoài niệm, trái tim người ra đi cứ dào lên biết bao nỗi nhớ với đủ mọi sắc màu đẹp đẽ: Có nỗi nhớ thơ mộng:

*Nhớ gì như nhớ người yêu*

*Trăng lên đầu núi bóng chiều lưng nương*

*Có nơi nhớ ẩm áp:*

*Nhớ từng bản khói cùng sương*

*Sớm khuya bếp lửa người thường đi về*

Nhưng nhớ nhất là những ngày cay đắng ngọt bùi của thuở "hàn vi" thấm tình đồng chí, đồng bào, đã từng cưu mang đùm bọc lẫn nhau:

*Ta đi, ta nhớ những ngày*

*Mình đây, ta đây đắng cay ngọt bùi*

...

*Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô*

Củ sắn lùi thì "chia", bát cơm thì "sẻ", chăn sui thì "đắp cùng". Đúng, cái đẹp nhất là ở tình nghĩa của con người, ở sự san sẻ, cùng chung mọi gian khổ và niềm vui. Nghĩa tình càng đẹp hơn nữa trong cuộc sống gian nan thiếu thốn; càng sắt son thấm thía trong khó khăn thử thách. Trong đoạn thơ này, có những câu gọi lên cảnh sinh hoạt và cuộc sống bình dị của con người, vốn rất hiếm thấy trong thơ Tố Hữu, nhưng lại là những câu thơ hay, chứa đựng những dung động, tình cảm chân thật, thấm thiết nghĩa tình của nhà thơ với cuộc

sống và con người của chiến khu Việt Bắc. Chẳng hạn "bản khói cùng sương" thì e lạnh giá, hoang vu, nhưng sau đó với "sớm khuya bếp lửa người thương đi về", thì ấm áp hẳn lên. "Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê" chỉ là những tên gọi địa danh, nhưng khi kèm với hai chữ "vơi đầy", thì cảnh bỗng trở nên tràn đầy tình nghĩa, có sự gắn bó thiết tha giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người.

Giữa bao nỗi nhớ ấy, tác giả đã dành cho thiên nhiên Việt Bắc một tình cảm đặc biệt. Qua tầm lòng chứa chan tình nghĩa cách mạng, kháng chiến của tác giả, thiên nhiên Việt Bắc hiện ra không chỉ là thiên nhiên với vẻ đẹp hùng vĩ và nên thơ, mà đó còn là thiên nhiên đã cùng con người đánh giặc và ghi lại biết bao sự tích anh hùng:

*Nhớ khi giặc đến giặc lùng...*

*Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào*

Thiên nhiên ở đây hiện lên với những vẻ đẹp đa dạng trong thời gian và không gian khác nhau, trong các thời tiết sương sớm, nắng chiều trăng khuya, trong các mùa thay đổi. Điều đặc biệt là hình ảnh thiên nhiên gắn với bóng dáng con người, làm cho cảnh bớt hoang sơ hiu hắt và trở nên gần gũi thân thiết với con người hơn. Tiêu biểu nhất là đoạn thơ sau:

*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*

....

*Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*

Tố Hữu đã dựng được bốn bức tranh theo đúng nghệ thuật truyền thống, tạo nên một bộ tứ bình đặc sắc. Mỗi bức tranh đều có một màu sắc, âm thanh chủ đạo và rất sinh động đa dạng: Khi lắng dịu, khi rục rờ chói chang, khi rộn ràng náo nức. Tương ứng với mỗi màu sắc, âm thanh của tự nhiên là một nét đẹp con người. Thiên nhiên làm nền cho con người và chính con người lại tô điểm cho thiên nhiên trở nên đẹp đẽ sinh động hơn.

Theo dòng cảm xúc hồi tưởng, bài thơ đã dẫn người đọc vào khung cảnh Việt Bắc kháng chiến với những bức tranh rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi động của cuộc kháng chiến anh hùng chuẩn bị cho cuộc tổng phân công bằng một chiến dịch "Điện Biên lừng lẫy địa cầu":

*Những đường Việt Bắc của ta*

....

*Đèn pha bật sáng như ngày mai lên*

Đoạn thơ được viết với bút pháp anh hùng ca, mang đậm màu sắc sử thi. Giọng thơ dào dạt sáng khoải với những hình ảnh vừa chân thực vừa bay bổng, vừa hùng tráng.

Những câu thơ tái hiện khung cảnh "Trung ương Chính phủ luận bàn việc công" trong hang núi ở Việt Bắc cũng là những câu thơ đặc sắc. Dường như tác giả chỉ liệt kê công việc nhưng đã phản ánh chân thật không khí làm việc giản dị trang nghiêm mà khẩn trương của Bộ Tổng chỉ huy của cuộc kháng chiến; trong đó nổi bật lên hình ảnh lung linh rục rờ ngời sáng của "Ngọn cờ đỏ thắm gió lộng cửa hang, Nắng trưa rục rờ sao vàng".

Phần thứ nhất của bài thơ được khép lại bằng sáu câu thơ thu tóm hình ảnh Việt Bắc: "Quê hương cách mạng dựng nên cộng hòa", đầu nòng của cuộc kháng chiến; Việt Bắc là niềm tin, hy vọng của nhân dân Việt Nam từ mọi miền đất nước, đặc biệt là đối với những nơi còn "u ám quân thù; đau đớn giống nòi", thì Việt Bắc là điểm tựa tinh thần đã tiếp thêm sức mạnh cho đồng bào kháng chiến.

Qua bài thơ Việt Bắc Tố Hữu đã làm hiện lên hình ảnh Việt Bắc "quê hương cách mạng dựng nên cộng hòa" một thời gian khổ mà sâu nặng nghĩa tình. Bài thơ tô đậm thêm truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Đó là truyền thống thủy chung son sắt "uống nước nhớ nguồn".